

# Hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA của Việt Nam và Hoa Kỳ thế kỷ XX<sup>1</sup>

Phan Thị Anh Thu<sup>(\*)</sup>

Nguyễn Hoàng Thái<sup>(\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Trong gần ba thập niên cuối của thế kỷ XX, từ sau khi cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ tại Việt Nam chấm dứt, POW/MIA (tù binh chiến tranh và người mất tích trong chiến tranh) từ một vấn đề phức tạp, không dễ đạt được đồng thuận đã trở thành một yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Bài viết tập trung phân tích nguồn gốc, quan điểm của các bên và những giai đoạn hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA, đi từ khởi động ban đầu đến khi đạt được thỏa thuận và bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vào năm 1995. Ngoài ra, nghiên cứu này còn góp phần khẳng định nỗ lực của hai quốc gia, vai trò của các cá nhân chủ chốt và tầm quan trọng của việc xây dựng lòng tin để cùng nhau khép lại quá khứ, hướng tới tương lai.

**Từ khóa:** POW/MIA, Việt Nam, Hoa Kỳ, Hợp tác, Người mất tích trong chiến tranh, Tù binh chiến tranh

**Abstract:** In the last three decades of the 20th century, following the end of the American War in Vietnam, the POW/MIA (Prisoner of War/Missing in Action) issue evolved from a complex and contentious problem into a critical factor that propelled the normalization process of relations between the two nations. This article analyzes the origins of the issue, the perspectives of both sides, and the cooperative phases to solve the POW/MIA issue from initial engagement to the eventual agreement and the full normalization of Vietnam-U.S. relations in 1995. Furthermore, it underscores the efforts of both countries, the role of key individuals, and the importance of building mutual trust to move beyond the past and look toward the future.

**Keywords:** POW/MIA, Vietnam, United States, Cooperation, Missing in Action, Prisoner of War

Ngày nhận bài: 10/3/2025; Ngày duyệt đăng: 25/5/2025

<sup>1</sup> Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số SĐH2024-06.

<sup>(\*)</sup> TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Email: anhtu@hcmussh.edu.vn

<sup>(\*\*)</sup> HVCH., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

## 1. Mở đầu

Trong tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, POW/MIA (Prisoners of War/Missing in Action - tù binh chiến tranh và người mất tích trong chiến tranh) nổi lên như một vấn đề then chốt, mang tính nhân đạo sâu sắc. Mặc dù có những khác biệt về quan điểm và cách tiếp cận ban đầu nhưng cả Việt Nam và Hoa Kỳ đều nhận thức được tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề POW/MIA để xây dựng lòng tin và thúc đẩy quan hệ song phương. Thực tế hai nước đã có những nỗ lực đáng kể trong việc hợp tác tìm kiếm, khai quật, xác minh và trao lại hài cốt lính Mỹ mất tích. Quá trình này không chỉ mang lại những kết quả cụ thể về mặt nhân đạo mà còn tạo động lực quan trọng cho việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ vào năm 1995. Tuy nhiên, quá trình hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA cũng gặp không ít thách thức. Do đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về quá trình hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong thế kỷ XX là cần thiết. Thông qua việc nghiên cứu này, bài viết góp phần làm sáng tỏ một khía cạnh quan trọng trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, đồng thời cung cấp những thông tin và bài học hữu ích cho việc xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện giữa hai nước trong tương lai.

## 2. Nguồn gốc và quan điểm giải quyết vấn đề POW/MIA

### 2.1. Nguồn gốc và đặc điểm của vấn đề POW/MIA

Trong bối cảnh Chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam, thuật ngữ POW (Prisoner of War) được hiểu là tù binh chiến tranh, chỉ những quân nhân bị đối phương bắt giữ trong chiến tranh, còn MIA (Missing in Action) là người mất tích trong chiến tranh, chỉ những quân nhân mất tích trong

quá trình chiến đấu mà không rõ sống chết (Goldich, 2005: 1). Sự phức tạp của vấn đề POW/MIA bắt nguồn từ việc Chính phủ Hoa Kỳ, với mục đích chính trị, đã gộp chung hai khái niệm “POW” và “MIA” thành một thuật ngữ duy nhất là “POW/MIA”. Việc tích hợp các thuật ngữ này đã nhen nhóm hy vọng, tạo niềm tin vô căn cứ cho gia đình binh sĩ mất tích về việc thân nhân của họ có thể vẫn còn sống và bị giam cầm (Long & Kendall, 1981: 227), dẫn đến việc Hoa Kỳ đề nghị Việt Nam cung cấp thông tin chi tiết về tất cả các trường hợp liên quan, bất kể đó là POW hay MIA. Yêu cầu này của Hoa Kỳ là điều chưa từng có tiền lệ trong lịch sử chiến tranh (Le-Tormala, 2001: 33).

Trước năm 1969 vẫn chưa xuất hiện “vấn đề POW/MIA”. Tù binh và người mất tích được coi là hai dạng riêng biệt. Chính quyền R.M. Nixon (1969-1974) đã kết hợp cả hai dạng này để tạo cơ duyên cuộc chiến và trì hoãn đàm phán hòa bình (Laderman & Martini, 2013: 261). Tuy nhiên, khi số lượng binh sĩ Hoa Kỳ bị bắt làm tù binh hoặc mất tích tăng lên thì phong trào phản chiến ở Hoa Kỳ cũng ngày càng lớn mạnh, gây áp lực khiến Chính phủ phải tìm kiếm giải pháp cụ thể cho cuộc chiến (Franklin, 1993: 49). Trong bối cảnh đó, chính quyền Nixon đã quyết định biến vấn đề POW/MIA thành một nội dung trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ (Laderman & Martini, 2013: 261). Chính quyền Nixon đã tiến hành một chiến dịch truyền thông rầm rộ nhằm khơi dậy lòng yêu nước và đẩy sự phẫn nộ của người dân Hoa Kỳ về phía khác, đồng thời gây áp lực cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA (Franklin, 1993: 49).

Việc Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/01/1973 đã đánh dấu một bước

ngoặt quan trọng trong cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, đặc biệt đối với vấn đề POW/MIA. Hiệp định này không chỉ tạo cơ sở cho việc rút quân của Hoa Kỳ mà còn thiết lập các điều khoản cụ thể liên quan đến việc trao trả tù binh và cung cấp thông tin về những người mất tích (Allen, 2009: 87). Cụ thể, Điều 8(a) và Điều 8(b) của Hiệp định Paris đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý và cơ chế thực thi, giải quyết vấn đề POW/MIA, nhưng quá trình này vẫn gặp nhiều khó khăn và trở ngại do sự khác biệt trong quan điểm và cách tiếp cận của các bên (Cường, 2024: 78-79). Hoa Kỳ xem POW/MIA là một vấn đề nhân đạo cần được giải quyết triệt để và gắn nó với tiến trình bình thường hóa quan hệ. Trong khi đó, Việt Nam khẳng định nỗ lực giải quyết vấn đề POW/MIA trên tinh thần nhân đạo và hợp tác nhưng phản đối việc chính trị hóa vấn đề này và lợi dụng nó để gây sức ép. Một vấn đề khác gây tranh cãi là việc Hoa Kỳ có thực hiện đầy đủ các cam kết của mình theo Điều 21 của Hiệp định Paris hay không. Tuy nhiên, vì lý do chính trị, Hoa Kỳ đã không cung cấp khoản viện trợ tái thiết như đã cam kết.

Vì lợi ích của các bên, nên việc tìm kiếm giải pháp thỏa đáng gặp nhiều khó khăn. Nếu như ở Hoa Kỳ, vấn đề POW/MIA trở thành một “con bài” chính trị quan trọng trong quan hệ với Việt Nam (Demmer, 2017: 190), thì ở Việt Nam lại dấy lên lo ngại rằng việc hợp tác quá mức trong vấn đề POW/MIA có thể bị coi như biểu hiện “nhượng bộ” trước áp lực của Hoa Kỳ (Congress (US) Washington Dc., 1992: 250). Sự hoài nghi giữa chính phủ và người dân hai nước là một thách thức không nhỏ. Phía Mỹ cho rằng Việt Nam vẫn còn giam giữ tù binh hoặc che giấu thông tin về người mất tích. Ngược lại, Việt Nam cho rằng Hoa Kỳ không thực

hiện đầy đủ các cam kết của mình trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh và tái thiết đất nước Việt Nam. Hoa Kỳ và Việt Nam đều có cách tiếp cận riêng về việc giải quyết vấn đề POW/MIA. Hoa Kỳ nhấn mạnh đến nỗ lực tìm kiếm và hồi hương hài cốt, trong khi Việt Nam tập trung vào việc cung cấp thông tin và hỗ trợ các gia đình có người thân mất tích. Sự khác biệt này có thể làm chậm trễ quá trình và kết quả hợp tác chung.

## **2.2. Quan điểm giải quyết vấn đề POW/MIA của các bên**

Vấn đề POW/MIA được cả Việt Nam và Hoa Kỳ nhìn nhận dưới góc độ nhân đạo, dù xuất phát điểm và cách tiếp cận ban đầu có sự khác biệt. Sự thay đổi này được thể hiện qua việc Việt Nam đã luôn tạo điều kiện thuận lợi để các đội tìm kiếm của Hoa Kỳ tiếp cận các khu vực và tài liệu liên quan đến POW/MIA (Manyin, 2003: 12). Về phía Hoa Kỳ, vấn đề POW/MIA còn có tầm quan trọng về chính trị và tình cảm sâu sắc đối với người dân nước này (Gerstbauer, 2016: 66). Áp lực từ dư luận, các nhóm cựu chiến binh và đặc biệt là gia đình những người mất tích trong chiến tranh (Le-Tormala, 2021: 33) đã buộc Chính phủ Hoa Kỳ phải coi việc giải quyết vấn đề POW/MIA là một ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại với Việt Nam. Do đó, cả hai nước đều công nhận khía cạnh nhân đạo của vấn đề POW/MIA.

Về cam kết hợp tác, Việt Nam đã tạo điều kiện cho các đội tìm kiếm của Hoa Kỳ hoạt động trên lãnh thổ của mình, cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến POW/MIA (Manyin, 2003: 9), đồng thời phối hợp với Hoa Kỳ trong các hoạt động tìm kiếm và khai quật (Cường, 2024: 81). Việt Nam cũng chủ động đề xuất các kế hoạch và biện pháp giải quyết vấn đề POW/MIA. Trong khi đó, Hoa Kỳ cũng cam kết hợp tác

với Việt Nam trong vấn đề POW/MIA với việc cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các hoạt động tìm kiếm và khai quật, chia sẻ thông tin và tài liệu liên quan đến người Việt Nam mất tích, và tạo điều kiện cho các đoàn đại biểu Việt Nam tiếp cận các cơ quan lưu trữ của Hoa Kỳ (Hawle, 2002: 290). Vượt qua mọi căng thẳng và bất đồng, cả hai nước đều duy trì cam kết hợp tác trong vấn đề POW/MIA bởi đây là một yếu tố quan trọng để xây dựng lòng tin và cải thiện quan hệ song phương.

Ngoài chủ trương về tính nhân đạo, Việt Nam cũng nhận thức rõ việc giải quyết vấn đề POW/MIA là một điều kiện then chốt để Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ (Gerstbauer, 2016: 66). Do đó, Việt Nam đã nỗ lực hợp tác với Hoa Kỳ trong vấn đề này, coi đây là một “chìa khóa” để mở ra cánh cửa hòa giải và phát triển quan hệ song phương (Steel, 2005: iii). Hoa Kỳ đương nhiên coi việc giải quyết vấn đề POW/MIA là một yếu tố then chốt trong tiến trình bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ nhiều lần tuyên bố rằng “tiến độ và phạm vi” của quá trình bình thường hóa sẽ phụ thuộc vào tiến triển trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA (Stern, 1995: 128-129). Cả hai nước đều nhận thức được tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề POW/MIA trong việc xây dựng lòng tin và tạo tiền đề cho quan hệ song phương phát triển toàn diện.

### **3. Hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA giữa Việt Nam và Hoa Kỳ**

#### ***3.1. Giai đoạn khởi động (từ năm 1975 đến giữa thập niên 1980)***

Sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975, Việt Nam mong muốn bình thường hóa quan hệ và nhận viện trợ tái thiết kinh tế, trong khi Hoa Kỳ yêu cầu thông tin về cựu binh mất tích trong chiến tranh (MIA) và hỗ trợ hồi hương hài cốt quân nhân

(Menetrey-Monchau, 2006). Các cuộc đàm phán giữa hai bên đã được tổ chức tại Paris từ tháng 6/1975 đến cuối năm 1975 nhưng chưa đạt được thỏa thuận.

Quá trình đàm phán về bình thường hóa quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam giai đoạn 1977-1978, dưới thời chính quyền J. Carter, đã chứng kiến những nỗ lực đáng kể trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA, dù còn không ít chướng ngại. Tháng 3/1977, Tổng thống J. Carter (1977-1981) cử phái đoàn đến Hà Nội để trao đổi thông tin kỹ thuật và phía Việt Nam trao hài cốt của 11 lính Mỹ (Schulzinger, 2006: 9). Tiếp đó, hai vòng đàm phán được tổ chức tại Paris vào tháng 5 và tháng 6/1977, tập trung vào ba vấn đề chính: nghĩa vụ đóng góp tái thiết Việt Nam của Hoa Kỳ, việc tìm kiếm cựu binh Hoa Kỳ mất tích và bình thường hóa quan hệ. Tuy nhiên, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua một sửa đổi, cấm Chính phủ đàm phán về bồi thường chiến tranh hay viện trợ cho Việt Nam. Bất chấp trở ngại này, phía Việt Nam qua tuyên bố của Thứ trưởng Ngoại giao Lê Mai vẫn khẳng định POW/MIA là “vấn đề nhân đạo” và cam kết tiếp tục hợp tác giải quyết (Cường, 2024: 79).

#### ***3.2. Giai đoạn cải thiện hợp tác (từ giữa thập niên 1980 đến đầu những năm 1990)***

Trong nỗ lực giải quyết vấn đề POW/MIA, Việt Nam đã chủ động thực hiện các hoạt động tìm kiếm và trao lại hài cốt quân nhân Hoa Kỳ, ngay cả trước khi quan hệ hai nước được bình thường hóa. Tháng 02/1982, Việt Nam trao một số hài cốt MIA cho phái đoàn Hoa Kỳ do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Richard Armitage dẫn đầu. Từ năm 1988, Hoa Kỳ và Việt Nam ký kết thỏa thuận tìm kiếm và hồi hương hài cốt quân nhân Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam, đánh dấu bước tiến quan trọng trong cải thiện quan hệ.

Tính chung trong giai đoạn 1974-1992, Việt Nam đã trao hơn 300 bộ hài cốt quân nhân Hoa Kỳ. Các quan chức Việt Nam nhấn mạnh rằng việc hợp tác này xuất phát từ mối quan tâm nhân đạo và mong muốn hàn gắn vết thương chiến tranh (Nguyễn Anh, 2023: 3).

Trong suốt thập niên 80 của thế kỷ XX, vấn đề MIA tiếp tục được giải quyết. Nhiều cuộc gặp cấp cao đã được tổ chức, trong đó có sự tham gia tích cực của các tướng lĩnh Hoa Kỳ, chính quyền Reagan (1981-1989) đã tăng cường vai trò của Nhóm Liên cơ quan về POW/MIA (IAG) - một cơ quan được thành lập từ thời chính quyền Carter (Schulzinger, 2006: 23). Từ tháng 12/1982 đến tháng 7/1983, Hoa Kỳ và Việt Nam đã tổ chức các cuộc họp kỹ thuật hàng quý để thảo luận về vấn đề này (Schulzinger, 2006: 24).

Một bước ngoặt quan trọng trong quá trình giải quyết vấn đề MIA là việc Tổng thống R. Reagan bổ nhiệm Tướng John Vessey - cựu Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân làm Đặc phái viên Tổng thống về vấn đề POW/MIA. Tướng J. Vessey đã có nhiều chuyến thăm chính thức tới Hà Nội vào tháng 8/1987, trở thành quan chức cấp cao nhất của Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam trong 10 năm. Trong chuyến đi này, Tướng J. Vessey đã đạt được thỏa thuận với Việt Nam về việc đẩy nhanh nỗ lực tìm kiếm MIA và giải quyết các vấn đề nhân đạo khác (Anderson, 2010: 390). Một trong những điểm nổi bật của các cuộc gặp cấp cao là cuộc hội kiến của phái đoàn Hoa Kỳ với Tổng Bí thư Đỗ Mười. Tổng Bí thư đã cho phép các đội điều tra của Hoa Kỳ đến các vùng lãnh thổ Việt Nam giáp Lào (Schulzinger, 2006: 48). Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch cũng là một nhân vật quan trọng trong các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ về vấn đề MIA. Ông đã

có nhiều cuộc gặp với các quan chức Hoa Kỳ, bao gồm cả Tướng J. Vessey, để thảo luận về các biện pháp tăng cường hợp tác trong việc tìm kiếm và xác định hài cốt MIA (Stern, 1995: 30).

### ***3.3. Giai đoạn bình thường hóa quan hệ (giữa những năm 1990)***

Tháng 4/1991, Hoa Kỳ và Việt Nam đã đạt được thỏa thuận về việc thành lập một văn phòng thường trực của Hoa Kỳ tại Hà Nội (JPAC) để giải quyết các vấn đề liên quan đến POW/MIA. Đứng vào thời điểm này, chính quyền Tổng thống George H.W. Bush (1989-1993) đề xuất “lộ trình bình thường hóa” bao gồm bốn giai đoạn, mỗi giai đoạn đi kèm với một danh sách các hành động mà Việt Nam và Hoa Kỳ cần thực hiện. Các điều kiện mà Hoa Kỳ đặt ra cho Việt Nam tập trung vào hai vấn đề chính: Giải quyết vấn đề POW/MIA và tìm kiếm một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia (Long & Kendall, 1981: 87 - 88). Đổi lại, Hoa Kỳ từng bước nới lỏng các biện pháp trừng phạt kinh tế, tăng cường viện trợ nhân đạo và thiết lập các cơ quan đại diện ngoại giao (Solomon, 2000: 85-86). Sự hợp tác giữa hai bên trong việc thực hiện “lộ trình” đã giúp tạo lòng tin và tiền đề cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ vào năm 1995.

Tháng 01/1993, Ủy ban Đặc trách của Quốc hội Hoa Kỳ về POW/MIA đã công bố báo cáo cuối cùng của Ủy ban - một tài liệu đồ sộ dài 1.233 trang, được biết đến nhiều nhất với câu kết luận rằng: “Tại thời điểm này, không có bằng chứng thuyết phục nào chứng minh rằng còn bất kỳ người Mỹ nào còn sống bị giam giữ ở Đông Nam Á” (Senate, 1993: 8). Gần hai mươi năm sau cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam và tiêu tốn hàng tỷ đô la, các thành viên Quốc hội đã đi đến cùng kết luận mà những người tiền nhiệm của họ đã đạt được vào

tháng 12/1975: “Không còn người Mỹ nào bị giam giữ làm tù binh ở Đông Dương” và “một sự kiểm kê đầy đủ (...) hiện tại là không thể, và sẽ không bao giờ có thể thực hiện được” (Allen, 2003: 166).

Nửa đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, Việt Nam tăng cường hợp tác trong vấn đề POW/MIA với Hoa Kỳ thông qua một loạt thỏa thuận quan trọng. Tháng 10/1990, Việt Nam cam kết cho phép các chuyên gia kỹ thuật Hoa Kỳ quyền tiếp cận rộng hơn vào các tài liệu lưu trữ thời chiến liên quan đến quân nhân Hoa Kỳ mất tích (Stern, 1995: 130). Tiếp nối thỏa thuận này, năm 1992, Việt Nam cho phép Hoa Kỳ xem xét các kho lưu trữ của Bộ Quốc phòng liên quan đến quân nhân MIA (Cường, 2024: 82). Sự hợp tác này được đánh giá cao, thể hiện qua báo cáo chính thức của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ cuối năm 1994, đánh giá sự hợp tác của Việt Nam đạt từ mức “tốt đến xuất sắc” (Isaacs, 2000: 172). Đến giữa tháng 5/1995, phái đoàn của Tổng thống Hoa Kỳ do Thứ trưởng Bộ Cựu chiến binh Hershel Gober dẫn đầu đã ghi nhận thiện chí của Chính phủ Việt Nam trong việc chuyển giao hơn 800 tài liệu POW/MIA riêng biệt cho phía Hoa Kỳ kể từ khi thành lập JTF-FA (Lực lượng Đặc nhiệm Hỗn hợp - Tìm kiếm Toàn diện). Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ cho phép các quan chức Việt Nam tiếp cận hồ sơ và bản đồ của Hoa Kỳ để hỗ trợ tìm kiếm người Việt Nam mất tích (Manyin, 2003: 12).

Sau những tiến bộ về hợp tác POW/MIA giữa hai nước, năm 1995 Tổng thống Mỹ Bill Clinton chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Hai nước đã nhanh chóng thiết lập các cơ quan đại diện ngoại giao. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Warren Christopher đã đến thăm Hà Nội và khánh thành Đại sứ quán Hoa Kỳ. Việt Nam cũng mở Đại sứ quán tại Washington. Cả Hoa Kỳ và Việt Nam đều cam kết tiếp

tục hợp tác trong việc tìm kiếm và xác định danh tính quân nhân Hoa Kỳ mất tích sau chiến tranh. Tổng thống B. Clinton nhấn mạnh rằng bình thường hóa quan hệ “không phải là kết thúc nỗ lực” của Hoa Kỳ trong vấn đề này (Clinton & Sheets, 1995: 43).

Quá trình giải quyết vấn đề POW/MIA giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là một hành trình dài, phức tạp và đầy thách thức. Từ sự bế tắc và đối đầu trong giai đoạn từ năm 1975 đến giữa thập niên 1980, qua những bước chuyển biến và hợp tác gia tăng trong những năm 1980, đến những đột phá quan trọng dẫn đến bình thường hóa quan hệ trong thập niên 1990, vấn đề này luôn là một yếu tố then chốt định hình mối quan hệ song phương. Sự khác biệt trong ưu tiên và cách tiếp cận ban đầu của hai bên đã gây nhiều trở ngại, nhưng những thay đổi trong bối cảnh quốc tế, khu vực và những nỗ lực hợp tác đã dần tạo ra những kết quả tích cực. Việc bình thường hóa quan hệ hai nước vào năm 1995 không chỉ là một dấu mốc lịch sử mà còn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp tục giải quyết vấn đề POW/MIA, thể hiện cam kết nhân đạo của cả hai nước và mong muốn khép lại quá khứ đau thương.

Ba thập niên cuối thế kỷ XX cũng chứng kiến sự chuyển biến đáng kể trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, đặc biệt trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA. Về phía Việt Nam, những thách thức kinh tế sau chiến tranh, cùng với nhu cầu hội nhập quốc tế, đã thúc đẩy một chính sách đối ngoại linh hoạt hơn, thể hiện rõ nét qua đường lối Đổi mới. Sự chuyển hướng tiếp cận vấn đề MIA chủ yếu vì tính nhân đạo, cùng với cam kết hợp tác vô điều kiện, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng lòng tin từ cả hai phía. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng chịu nhiều áp lực từ dư luận và các tổ chức cựu chiến binh, buộc Chính phủ nước

này phải coi vấn đề POW/MIA là yếu tố then chốt trong tiến trình bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Sự tham gia tích cực của các quan chức và chính trị gia Hoa Kỳ, cũng như những thay đổi trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu đã góp phần thúc đẩy quá trình hợp tác này. Nhìn chung, sự thay đổi trong nhận thức và chính sách của cả hai quốc gia đã tạo nền tảng vững chắc cho việc giải quyết vấn đề POW/MIA, mở đường cho những bước tiến quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Giai đoạn hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong vấn đề POW/MIA trong thế kỷ XX đã mang đến những bài học kinh nghiệm quý báu, không chỉ cho quan hệ song phương mà còn cho các vấn đề hòa giải quốc tế hậu xung đột. Trước hết, vấn đề nhân đạo có khả năng trở thành nền tảng cho đối thoại, ngay cả trong bối cảnh chính trị căng thẳng, minh chứng cho vai trò của các hoạt động nhân đạo trong việc xây dựng lòng tin. Sự kiên nhẫn và hợp tác từng bước là chìa khóa để giải quyết các vấn đề hậu chiến phức tạp, đòi hỏi nỗ lực không ngừng từ cả hai phía. Tiến trình hợp tác cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố chính trị và dư luận trong nước, đòi hỏi sự nhạy bén và khéo léo trong ngoại giao. Sự trao đổi thông tin và hỗ trợ lẫn nhau, cùng việc thiết lập các cơ chế hợp tác hiệu quả như JPAC, đóng vai trò then chốt. Tính minh bạch và thông tin chính xác là yếu tố quyết định để xoa dịu nghi ngờ và củng cố lòng tin. Mối liên kết giữa vấn đề nhân đạo và tiến trình bình thường hóa quan hệ được thể hiện rõ nét, khi sự hợp tác tích cực trong vấn đề POW/MIA trở thành động lực quan trọng cho việc tái thiết lập quan hệ song phương. Cuối cùng, việc thừa nhận và giải quyết những tổn thất của cả hai bên, thông qua các hoạt động như rà phá bom mìn và khắc phục hậu quả chất độc da cam, là yếu tố

không thể thiếu trong quá trình hòa giải lâu dài. Những bài học từ giai đoạn này nhấn mạnh rằng, ngay cả trong những xung đột sâu sắc nhất, các vấn đề nhân đạo vẫn có thể trở thành cầu nối để vượt qua hận thù và xây dựng tương lai hợp tác. Chúng cung cấp những bài học giá trị cho việc giải quyết các vấn đề hậu chiến và thúc đẩy hòa bình, ổn định quốc tế.

#### 4. Kết luận

Quá trình giải quyết vấn đề POW/MIA giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là một hành trình dài và phức tạp, với những giai đoạn bế tắc ban đầu, sự hợp tác nhân đạo bước đầu, sự tăng cường hợp tác trong quá trình tiến tới bình thường hóa, và sự củng cố hợp tác sau khi quan hệ song phương được thiết lập. Vấn đề POW/MIA là một yếu tố then chốt, vừa là rào cản, vừa là động lực trong tiến trình cải thiện quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Từ một “điểm nghẽn” trong quan hệ song phương, POW/MIA đã trở thành cầu nối quan trọng, thúc đẩy quá trình bình thường hóa và xây dựng lòng tin giữa hai quốc gia. Dù xuất phát điểm với những quan điểm, cách tiếp cận khác biệt, thậm chí có những giai đoạn căng thẳng, nhưng cả Việt Nam và Hoa Kỳ đều thể hiện cam kết mạnh mẽ và nỗ lực không ngừng trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA.

Trong quá trình hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA, vai trò của các cá nhân chủ chốt như Tướng John Vessey, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch và các quan chức cấp cao khác của cả hai nước là rất quan trọng. Các cuộc gặp gỡ, đàm phán và thỏa thuận đã từng bước tháo gỡ những nút thắt, xây dựng lòng tin và tạo điều kiện cho sự hợp tác ngày càng sâu rộng. Những nỗ lực chung của hai nước đã mang lại kết quả cụ thể và ý nghĩa. Phía Hoa Kỳ đã thừa nhận việc không có bằng chứng thuyết phục nào cho thấy bất

kỳ quân nhân Hoa Kỳ nào còn sống và bị giam giữ tại Việt Nam sau năm 1973. Hàng trăm gia đình Mỹ đã tìm lại được hài cốt của người thân, góp phần xoa dịu nỗi đau chiến tranh và thúc đẩy quá trình hòa giải, hòa hợp dân tộc ở cả hai quốc gia. Hợp tác POW/MIA không chỉ dừng lại ở khía cạnh nhân đạo, mà còn tạo ra một kênh đối thoại hiệu quả, giúp hai bên vượt qua những nghi kỵ, hiểu lầm, xây dựng sự tin cậy lẫn nhau. Chính sự tin cậy này là nền tảng vững chắc để hai nước đi đến quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào năm 1995.

Nghiên cứu này khẳng định tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề nhân đạo trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh hậu chiến tranh, đồng thời cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu cho việc xây dựng và phát triển quan hệ giữa các quốc gia có quá khứ đối đầu. Nhìn lại chặng đường đã qua, hợp tác giải quyết vấn đề POW/MIA giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong thế kỷ XX là một minh chứng điển hình, một bài học thành công về việc vượt qua quá khứ, hướng tới tương lai. Kết quả này cho thấy, ngay cả giữa những bên từng ở hai phía của chiến tuyến, sự hợp tác và thiện chí có thể hóa giải những vấn đề tưởng chừng như không thể, mở ra cánh cửa cho hòa giải, hợp tác và phát triển. Kinh nghiệm từ quá trình này không chỉ có giá trị đối với quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, mà còn là bài học cho việc giải quyết các vấn đề hậu chiến tranh và xây dựng quan hệ quốc tế đương đại □

### Tài liệu tham khảo

1. Allen, M.J. (2009), *Until the last man comes home: pows, mias, and the unending Vietnam war*, University of North Carolina Press.
2. Clinton, P. & Sheets, W.H.F. (1995), *US normalizes diplomatic relations*

- with Vietnam*, US Department of State Dispatch, 6 (28).
3. Congress (US), Washington, DC. (1992), *Hearings before the Select Committee on POW/MIA Affairs. United States senate one hundred second congress second session on the US Government's Post-War POW/MIA Efforts*, August 11 and 12, 1992.
  4. Cường, N. A. (2024), "Cooperation and struggle between Vietnam and the United States: Impediments to improved US-Vietnam relations", *Journal of American-East Asian Relations*, 31 (1), 75-110.
  5. Demmer, A. C. (2017), *The last chapter of the Vietnam war: Normalization, nongovernmental actors and the politics of human rights, 1975-1995*, Doctoral dissertation, University of New Hampshire.
  6. Franklin, H. B. (1993), *MIA, or, Mythmaking in America*, Rutgers University Press.
  7. Gerstbauer, L. (2016), *US Foreign policy and the politics of apology*, Routledge.
  8. Goldich, R. L. (2005, June), *POWs and MIAs: Status and accounting issues*, Congressional Research Service, Library of Congress.
  9. Hawle, T. (2002), "The ethics of accounting: The search for American soldiers missing in Vietnam", *Millennium*, 31 (2), 271-295.
  10. Isaacs, A. R. (2000), *Vietnam Shadows: The war, its ghosts, and its legacy*, JHU Press.
  11. Laderman, S. & Martini, E. A. (Eds., 2013), *Four decades on: Vietnam, the United States, and the legacies of the second Indochina war*, Duke University Press.

(xem tiếp trang 51)